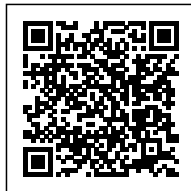


NGÀN NĂM MÂY BẠC VẪN THÔNG DONG



Thích Từ Thông
Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 1/2023

“Đối với sắc mà sanh tâm yểm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, đó gọi là Tỳ kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.⁽¹⁾”

Cuộc sống của con người là sự đối mặt với những tác động từ những yếu tố ngoại tại với những

trạng thái tâm lý phức tạp đan xen lẫn nhau, mỗi người có một nhận thức khác nhau về bản chất của sự vật hiện tượng cũng như phương diện hành động. Khát vọng tái sinh về các cảnh giới thù thắng, an vui hoặc buông xuôi tất cả để mặc cho con tạo xoay vần, thả trôi mình theo những dục vọng cuồng say náo nhiệt. Hay là khuynh hướng thoát ly khỏi những bế tắc mà vị ngọt và sự nguy hiểm mà cuộc sống vật chất hiện đại đang bủa vây để tìm lại một chút bình yên, những chiêm nghiệm thanh tao thoát tục của một lối sống Thánh xuất thế?

Trong bài viết này, chúng ta sẽ tìm hiểu quan điểm về tính hai mặt của một thực tại, cụ thể đó là phạm trù “Niết bàn” và “Thế gian” theo tư tưởng của ngài Long Thọ (Nāgārjuna) qua tác phẩm Trung Luận (Madhyamikasūtra).

1. Chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối

Thế giới mà chúng ta đang tồn tại, vận hành với các quy luật vận động theo các cặp phạm trù đối lập nhưng tương hỗ: đẹp – xấu, sáng – tối, hiện hữu – không hiện hữu, sinh tử – niết-bàn,... Để có thể hiểu được một khía cạnh tuyệt đối, thì không thể nào bỏ qua các tính chất tương đối. Bởi vì sự tuyệt đối còn được hiểu là sự phủ định của cái tương đối, nằm trong phạm vi khả năng nhận thức suy nghiệm của con người.

Trong Trung Luận, ngài Long Thọ đã khái quát thành hai phạm trù quan điểm tương đối và tuyệt đối, nằm trong học thuyết Tính Không, xây dựng trên Duyên Khởi và Trung Đạo. Ngài phân loại các phạm trù nhận thức trong Phật giáo thành hai đại bộ phận: Tục Đế và Chân Đế: *“Chư Phật y Nhị đế, vì chúng sinh thuyết pháp: một là thế tục đế, hai đệ nhất nghĩa đế”*(2) (諸佛依二諦,為眾生說法:一以世俗諦,二第一義諦).(3) Sở dĩ có sự khái quát này, không phải là sự sáng tạo ngẫu nhiên của Long Thọ, mà những tư tưởng chủ đạo được ngài khai thác trực tiếp từ nguồn A-hàm/Nikāya và bao gồm tư tưởng của các nhà Đại thừa thời bấy giờ.

Kinh Potthapāda, ghi nhận: *“Này Potthapāda có những pháp được Ta tuyên thuyết trình bày một cách không dứt khoát. Này Potthapāda có những pháp được Ta tuyên thuyết, trình bày một cách dứt khoát”*.(4) Trong Arahantasutta, đề cập về một vị Tỳ kheo A La Hán đã làm các điều phải làm, các lậu hoặc kiết sử đã đoạn tận: *“Vị ấy khéo biết rõ, danh xưng ở thế gian, vì chỉ là danh xưng, vị ấy cũng danh xưng.”*(5)

Trong Tạp A Hàm, vị A La Hán là vị: *“Đã lìa nơi ngã mạn, Không còn tâm ngã mạn; Siêu việt tôi, của tôi, Ta nói là lậu tận. Đối tôi, của tôi kia, tâm trọn chẳng chấp trước; hiểu danh tự thế gian, bình đẳng giả danh nói”*.(6)

Ngàn năm mây bạc vẫn thông dong

“Đối với sắc mà sanh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chánh, đó gọi là Tỳ kheo chứng đắc Niết-bàn ngay trong hiện tại.”⁽¹⁾

Mái chùa Quán Sứ (Hà Nội) - Ảnh: Minh Nam

Vì thế, Long Thọ trong Đại Trí Độ Luận giải thích: “Đệ nhất nghĩa tất đàn nghĩa là tất cả pháp tính, tất cả ngôn ngữ luận nghị, tất cả những gì gọi là pháp hay phi pháp, mỗi một phạm trù như vậy đều có thể bị phân tích, xây dựng hay phá vỡ. Tuy nhiên, đối với pháp chân thật được chư Phật, Bích Chi Phật, A La Hán tuyên thuyết thực hành thì không thể tách rời, không thể phá tan”.⁽⁷⁾

Như vậy, đệ nhất nghĩa tức là phạm trù mà các bậc Thánh đã chứng ngộ và vượt thoát khỏi mọi phạm vi luận nghị, ngôn ngữ của thế gian. Tuy nhiên vì để phù hợp với các đối tượng, căn cơ, trình độ khác nhau mà có sự sai khác về phương tiện sử dụng giáo pháp cho thích ứng với tinh thần kế lý – kế cơ.

Do đó, cũng trong Đại Trí Độ Luận, Long Thọ đã khái quát thành “Tứ tất đàn”: Thế giới tất đàn (giáo pháp mang ý nghĩa tùy thuận mọi người với mục đích dẫn mọi người hướng về Phật pháp); Đối trị tất đàn (giáo pháp chỉ mang ý nghĩa ngăn chặn các việc làm sai lầm nào đó); Các các vị nhân tất đàn (giáo pháp tùy theo căn cơ khác nhau của chúng sinh, giáo dục họ phát khởi tâm hướng thượng hướng thiện); Đệ nhất nghĩa tất đàn (giáo pháp với mục đích làm cho mọi người thấy rõ thật tướng của tất cả các pháp). Long Thọ lấy Tứ tất đàn này để hệ thống phân loại toàn bộ lời Phật dạy, không ngoài ý nghĩa tất cả Phật pháp “đều là thật, không trái ngược mâu thuẫn lẫn nhau”.⁽⁸⁾

Đây cũng chính là tính Không hay Trung đạo mà Long Thọ đã đề cập, chính nhờ sự phân chia này mà có lẽ đã đưa Long Thọ lên hàng học giả lỗi lạc. Bởi vì trước Long Thọ các nhà Bộ phái và Đại thừa kịch liệt kinh chống nhau, một bên thiên nặng về thực tế, một bên nghiêng về chủ nghĩa siêu hình. Vì vậy, Long Thọ đã giải thích dựa trên bản chất tùy duyên bất biến mầu nhiệm của Phật giáo và tiến hành hệ thống lại các tư tưởng Phật giáo đối kháng, đó chính là Tính Không – Trung đạo – Duyên Khởi.

Chúng ta thấy rằng, giáo pháp của đức Phật mang tinh thần “tùy duyên”, với hàng cư sĩ tại gia thì đức Phật khuyên dạy họ thực hành Tam Quy, Ngũ giới, Thập thiện nghiệp, bố thí, cúng dường cho các sa môn Bà La Môn với tài sản thân thuộc hoạch hợp pháp, ngoài ra đức Phật còn khuyến khích việc lao động sản xuất làm lợi cho mình làm lợi cho người, cho đến giáo hóa các hạng cùng đinh trong xã hội, người cùi, dân, quan, ngoại đạo, vua chúa,...

Bởi vì Phật giáo muốn tồn tại và truyền bá giáo pháp thì phải tùy thuận vào thế gian mà thuyết giảng pháp xuất thế gian. Như bài kinh 347 – Tạp A Hàm, du sĩ Tu Thâm (Susima) khi đến tham vấn các Tỳ kheo đạt được “tuệ giải thoát”, do vì không thông hiểu giáo lý căn bản và cũng chẳng hiểu về thiền định trong Phật giáo cho nên khởi lên các câu hỏi nghi vấn, đức Phật bảo rằng: *“Không luận là người biết hay không biết, mà trước hết phải tự biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, như các thiện nam tử kia một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy, sống không buông lung, xa lìa ngã kiến, tâm khéo giải thoát đã”*.⁽⁹⁾

Như thế nào là pháp trụ, kinh văn tiếp tục giải thích: “Phật bảo Tu-thâm: “...Có phải vì có sinh nên có già, chết; không phải là sinh mà có già, chết chăng?”... “Đó gọi là trước hết biết pháp trụ, sau đến biết Niết-bàn, mà các thiện nam tử kia, một mình ở nơi thanh vắng, chuyên cần tinh tấn tư duy,... tâm khéo giải thoát”.

⁽¹⁰⁾ Pháp trụ trí tức là trước tiên người đó phải biết rõ về những gì đang diễn ra trong thế giới hiện tại mà họ đang sinh sống. Đó là các pháp tùy thuận theo nhân- duyên-quả đối với tiến trình 12 nhân duyên (vô minh, hành,...), chúng tương hỗ nhau, cái này có cho nên cái kia có, cái này sinh cho nên cái kia sinh.

Như vậy, muốn thể nhập vào trí Niết-bàn, thì ngay trong hiện tại này chúng ta phải có sự quán sát và hành động, không thể có sự kiện một người thân, khẩu, ý không tu tập, làm các điều bất thiện lại có thể sinh vào các cõi thiện thú, thiên giới.⁽¹¹⁾ Niết-bàn chính là con đường thực hành và sự thể nhập.

2. Nhận thức và hành động

Trung Luận ghi rằng: “ 涅槃與世間,無有少 分別,世間與涅槃,亦無少分別 ” (Na samsārasyanirvānāt kim cid asti viśesanam, na nirvānasya samsārāt kim cid asti viśesanam).⁽¹²⁾ Nghĩa là: *“Niết-bàn với thế gian, không có chút phân biệt, thế gian với Niết-bàn, cũng không chút phân biệt”*.⁽¹³⁾

Trong đó chữ “世間” nếu theo nguyên nghĩa trong bài kệ của nó là “samsāra” với ý nghĩa rộng hơn “thế gian”. Samsāra thường được hiểu là vòng luân hồi, một chu kỳ sinh tử bất tận hoặc là một thế giới đời sống trần tục.⁽¹⁴⁾ Còn đối với Niết-bàn (nirvāna; nibbana) miêu tả một trạng

thái vắng mặt tham, sân, si; trạng thái mát mẻ, an vui. Tại sao giữa hai phạm trù đối lập này lại được Long Thọ nói rằng chúng chẳng có chút phân biệt?

Bởi vì trong Phật pháp khác hẳn với các phương pháp hiểu biết thường tình của thế gian, vì đạo Phật được xem là “đến để mà thấy” và “đến để tự mình chứng ngộ”, do đó không thể dùng các kiến giải thông thường của thế tục mà có thể thấu rõ bản chất của Niết-bàn. Đức Phật xác nhận rằng: *“Nhu Lai sinh ra trong đời, lớn lên trong đời, vươn lên khỏi đời và sống không bị đời ô nhiễm”*.⁽¹⁵⁾

Với tuệ giải thoát vô phân biệt, đức Phật tuyên bố rằng: *“cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ‘không’ Ta cũng nói là ‘không’...cái gì người có trí ở đời chấp nhận là ‘có’ Ta cũng nói là ‘có’... người có trí ở đời chấp nhận sắc là vô thường,...chịu sự biến hoại, thời Ta cũng nói là ‘có’... ở trong đời, này các Tỳ kheo có thế pháp (lokadhamma). Thế pháp ấy Như Lai hoàn toàn chứng ngộ, chứng tri;... Như Lai tuyên bố, thuyết giảng, trình bày, xác chứng, khai thị, phân tích, hiển lộ.”*.⁽¹⁶⁾

Thế pháp ở đây có nghĩa là năm thủ uẩn, tức là nó liên hệ với con người thực tại đang hiện hữu; không chấp trước vào các khái niệm ngôn ngữ, cũng như những hoa sen được sinh ra trong bùn nước nhơ và vươn lên ra khỏi nước bùn nhơ, nếu như không có bùn không có nước thì sẽ không có hoa sen; chính nhờ quá trình hấp thu và chuyển hóa vật chất lẫn nhau từ đó mới có sự sinh khởi muôn loài vạn vật, đó cũng chính là tính duyên khởi trung đạo, chẳng rời nhau mà cũng chẳng chống đối với nhau.

Trong Tương ưng Vô thí xác nhận: *“Vô thí là luân hồi (samsāra), này các Tỳ kheo, khởi điểm không thể nêu rõ đối với lưu chuyển luân hồi của các chúng sinh bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc”*.⁽¹⁷⁾ Vòng luân hồi (samsāra) là không có khởi điểm, tất cả những kiếp sống mà chúng sinh phải trải qua thật không thể tính đếm được, cũng như nước mắt mà con người đã khóc vì sự chia lìa trong quá khứ nhiều như nước biển trong bốn biển lớn,...tức là vòng luân hồi là chỗ mà các loài chúng sanh phải tới lui; cho đến khi nào thoát khỏi sự che đậy của vô minh và sự trói buộc của tham ái, thì mới được xem là thoát ra khỏi luân hồi sinh tử (thế gian), đạt đến Niết-bàn.

Bởi vì: *“Đồng nghĩa với Niết bàn giới là nhiếp phục tham, nhiếp phục sân, nhiếp phục si, cũng được gọi là đoạn tận các lậu hoặc”, “Đoạn tận tham, đoạn tận sân, đoạn tận si, này các Tỳ kheo được gọi là bất tử” và “Con đường Thánh đạo tám ngành này là con đường đưa đến bất tử, tức là chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính nghiệp, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm, chính định”*.⁽¹⁸⁾ Thánh đạo tám ngành này tức là Trung Đạo mà Như lai đã tuyên bố lần đầu tiên trong bài Kinh Chuyển Pháp Luân.⁽¹⁹⁾



Trạng thái tâm thanh tịnh giải thoát, không bị ba độc chi phối được xem là Tính Không theo Kinh Pháp ấn trong Tạp A Hàm:(20) “Nếu Tỳ kheo nào nói như vậy: ‘Tôi đối với tam muội Không chưa có sở đắc, mà khởi Vô tướng, Vô sở hữu, là được tri kiến kiêu mạn.’ Chớ nên nói như vậy. Vì sao? Vì nếu đối với Không chưa đạt được, mà nói là Tôi đã đạt được Vô tướng,...thì việc này sẽ không xảy ra.”...“Nếu Tỳ kheo nào, ngồi dưới bóng cây, chỗ trống vắng, mà khéo quán sát sắc là vô thường, là pháp ma diệt, ly dục. Cũng vậy, quán sát thọ, tưởng, hành, thức...Đó gọi là Không”.

Tam-muội chính tư duy, là quán sát sự đoạn tận của tướng sắc (thình, hương,...); đó gọi là vô tướng. Quán sát sự đoạn trừ tướng tham, sân, si; đó gọi là Vô sở hữu. Quán sát về ngã, ngã sở từ thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm, biết mà sinh ra. Những nhân duyên gì sinh thức, nó đều là vô thường, là hành của hữu vi, từ duyên khởi, là pháp tai hại, là pháp hoại diệt, là pháp ly dục, là pháp đoạn tri. Đó gọi là Thánh pháp ấn, tri kiến thanh tịnh.(21)

Chúng ta thấy rằng “tam muội Không”, có nghĩa là sự quán sát về bản chất giả tạm, không thật có của tam thân năm uẩn này (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), sự quán chiếu về năm uẩn như vậy từ đó không còn phát sinh những tư tưởng tham luyến, cố chấp sai lầm. Đây cũng được gọi là “chính tam muội tư duy” tức là thực hành Trung Đạo (Bát Thánh Đạo), cũng là Thánh Pháp ấn, tri kiến thanh tịnh.

3. Tịnh độ giữa trần gian

Chúng ta nhận thấy rằng, Niết-bàn có nghĩa là trạng thái vắng mặt các khổ đau, khi nào tham, sân, si được nhiếp phục, được đoạn tận thì khi đó có sự hiện diện của Niết-bàn ngay trong thế gian (luân hồi). Trung Luận viết: “ 受諸因緣故,輪轉生死中;不受諸因緣,是名為涅槃 ”,(22) nghĩa

là: khi có mặt của sự chấp thủ đối với các nhân duyên, thì vẫn còn sự lưu chuyển trong vòng sinh tử; nếu không còn chấp thủ đối với các nhân duyên nữa thì gọi là Niết-bàn.

Do đó niết-bàn được hiểu là tiến trình đoạn giảm, đoạn trừ những nguyên nhân dẫn đến sự tái sinh trong vòng luân hồi; cũng như một đồng lửa lớn đang cháy, nếu nó không được tiếp thêm các điều kiện để duy trì sự cháy (nhiên liệu, oxy,...) thì đám lửa đang cháy đó sẽ đi đến tàn lụi, mà không thể nào chỉ ra rằng ngọn lửa đó đã đi về đâu. Tương tự như vậy, chúng ta không thể diễn tả niết-bàn một cách chính xác nhất, nhưng thông qua việc làm chủ các trạng thái tâm lý tiêu cực, lắng đọng các phiền được trí tuệ niết-bàn. Đối với những người không tìm hiểu tận tường về “tính không” mà lại cho rằng “nhất thiết pháp giai không” điều này có thể dẫn đến những hệ lụy lệch lạc về tư tưởng và phương hướng hành động, nguy hại hơn sẽ khiến xã hội trở nên hỗn loạn và nền đạo đức căn bản, quy luật nhân quả thế gian bị phá vỡ.

Nói đến Tính Không tức là nói đến bản chất của các pháp vốn là duyên sinh do đó chúng không thật có, mà chỉ là giả có. Bát-nhã tâm kinh, cũng khẳng định rằng nếu như bồ tát khi thực hành sâu vào trong trí tuệ bát-nhã-ba-la-mật-đa, soi rọi thấy năm uẩn điều là không thật có, tức vượt thoát mọi khổ ách. Từ góc độ tính không mà đi sâu vào bản chất của quy luật, thì tính không này cũng phải được chứng ngộ trong sự thể nhập. Trí hiểu rõ về tính Không không phải là phủ nhận tất cả, cho đó là trống rỗng; trái lại cần phải nhìn vào sự hiện hữu của nó và xem xét thấy rằng chúng tuy có nhưng bản chất của chúng là không thật có.

Để được giải thoát khỏi sinh tử, trước hết người ta phải có những nhận thức đúng dựa trên căn bản thiện và bất thiện, như tín tâm, trì giới, học pháp, bố thí, thiền định, tỳ trung đó chính là “không tham, không sân, không si”, mà không phải là sự thụ động rơi vào chủ nghĩa hư vô. Vì vậy, cho dù trên phương diện lý thuyết hay thực hành, thì đây là một quá trình tất yếu để đạt được Niết-bàn hay “tính không” từ chính ngay trong sự tồn tại của mỗi cá nhân.

4. Kết luận

Thế gian (luân hồi) với Niết-bàn, tuy về mặt ngữ nghĩa mặc dù có sự khác biệt, tuy nhiên bản chất của Luân hồi và Niết-bàn đều nằm trong quy luật Duyên khởi, mỗi một cá nhân sẽ tự quyết định cho sự luân hồi hay Niết-bàn của mình thông qua sự nỗ lực thực hành đoạn trừ ba độc tham, sân, si.

Niết-bàn chính là trạng thái không còn tham sân si, do đó nếu như duy trì trạng thái tâm trong sạch, không có mặt của ba độc này được duy trì và kéo dài đến vô tận thì gọi đó là Niết-bàn hay được xem là “bất tử”: *“Đối với sắc mà sinh tâm yếm ly, ly dục, diệt tận, không khởi lên các lậu, tâm giải thoát chân chính, đó gọi là Tỳ kheo chứng đắc Niết bàn ngay trong hiện tại. (tương tự với thọ, tưởng, hành, thức)”*.⁽²³⁾

Đức Phật tuyên bố rằng: *“Chính ở trong thân thể dài một tầm, có tướng, có thức này, Ta tuyên bố thế giới, nguyên nhân của thế giới, sự đoạn diệt thế giới và con đường đưa đến sự đoạn diệt của thế giới”*.⁽²⁴⁾ Điều này ngụ ý rằng, sự giải thoát giác ngộ là một tiến trình thanh lọc tự thân thoát ra khỏi ba độc, thông qua quá trình tư duy thiền quán và thực hành các công hạnh

ba-la-mật ngay tại thế gian này, bằng chính cơ thể với sức lực và trí tuệ của chính chúng ta. Do vậy, giải thoát hay luân hồi nằm ở ý chí tự do hành động của mọi người mà không phải là sản phẩm từ một đấng tuyệt đối chúa tể nào cả.

Bởi vì “Do tâm nhiễm ô, này các Tỳ kheo, chúng sanh bị nhiễm ô. Do tâm thanh tịnh, này các Tỳ kheo, chúng sanh thanh tịnh”.(25) Tâm thanh tịnh hay nhiễm ô cũng là pháp duyên sinh, do đó đối với cái thấy của bậc đã giải thoát hoàn toàn thì xem xét sinh tử với giải thoát không khác, luân hồi với Niết-bàn cũng chẳng sai biệt. Vì các pháp đó vốn dĩ không phải là hý luận pháp, không thể thấu rõ do suy lường phân biệt; chỉ có thể tự thân mỗi người đi đến để thấy đến chứng nghiệm, thông qua quá trình rèn luyện trên nền tảng Đạo đức (Giới), Thiền Định (Định) và Trí Tuệ (Tuệ) một cách tinh tấn tròn đầy mới có thể thấu rõ thật tướng của vạn pháp.

Thích Từ Thông

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 1/2023

CHÚ THÍCH:

- (1) Tạp A-Hàm I, Tiểu Tạng Kinh, tr58
- (2) Ấn Thuận, Lược Giảng Luận Trung Quán, Tr8 (3) CBETA 2021.Q4, T30, no. 1564, p. 32c16-17
- (4) Trường Bộ, TTTĐPGVN, Tr151 (5) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, Tr19
- (6) Tạp A-Hàm III, Tiểu Tạng Kinh, tr 1841
- (7) Dẫn theo: Ấn Thuận, LSTTPGÂĐ, Tr 239
- (8) Xem thêm: Ấn Thuận, LSTTPGÂĐ, Tr 238
- (9) CBETA 2021.Q4, T02, no. 99, p. 97b11-14; Tạp A-Hàm I, Tiểu Tạng Kinh, tr 629
- (10) CBETA 2021.Q4, T02, no. 99, p. 97b15-c4; Tạp A-Hàm I, Tiểu Tạng Kinh, tr 629-630
- (11) Tăng Chi Bộ, TTTĐPGVN, tr32
- (12) CBETA 2021.Q4, T30, no. 1564, p. 36a4-5
- (13) Ấn Thuận, LGLTQ, Tr32
- (14) Nguồn: <https://www.wisdomlib.org/defi a>
- (15) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, tr617
- (16) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, tr617
- (17) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, tr421
- (18) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, tr1001
- (19) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, Tr 1296 (20) CBETA 2021.Q4, T02, no. 99, p. 20a25
- (21) Tạp A-Hàm I, Tiểu Tạng Kinh, tr149-150 (22) CBETA 2022.Q1, T30, no. 1564, p. 35b9-11
- (23) Tạp A-Hàm I, Tiểu Tạng Kinh, tr58
- (24) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, tr81
- (25) Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, tr625

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Kinh Trường Bộ, TTTĐPGVN, HT.Thích Minh Châu dịch, Nxb Tôn Giáo, 2020

2. Kinh Tương Ưng Bộ, TTTĐPGVN, HT.Thích Minh Châu dịch, Nxb Hồng Đức, 2021
3. Kinh Tăng Chi Bộ, TTTĐPGVN, HT.Thích Minh Châu dịch, Nxb Hồng Đức, 2021
4. Kinh Tạp A-hàm I,II,III, Tiểu Tạng Kinh, Việt dịch Thích Đức Thắng, Hiệu chỉnh & chú thích Tuệ Sỹ, nxb Hồng Đức, Hương Tích, 2019
5. Ấn Thuận, Lược Giảng Luận Trung Quán, TTNCPHHT, Hạnh Bình & Quán Như dịch Việt, Nxb Phương Đông, 2014
6. Ấn Thuận, Lịch Sử Tư Tưởng Phật Giáo Ấn Độ, TTNCPHHT, Thích Hạnh Bình & Thích Huệ Hải dịch Việt, Nxb Hồng Đức, 2021